

Điều khiển Thiết bị điều khiển hiện trường Bộ ngắt cách ly iSW



Country approval pictograms

IEC/EN 60947-3

Theo như chuẩn phía trên:

Chuyển mạch - đóng cắt bao gồm những chức năng sau:

- Điều khiển (mở và đóng mạch điện có tải).

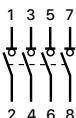
iOF auxiliary

- Được lắp bên trái, sản phẩm hiển thị vị trí "mở" hoặc "đóng" của chuyển mạch và có 1 tiếp điểm thường mở (NO) hoặc tiếp điểm thường đóng (NC).



Sơ đồ chọn mã

Bộ ngắt cách ly iSW 40 tới 125 A

Loại				Chiều rộng mô đun 9 mm
1P	Cấp	Điện áp (Ue)		
DB11898 	40 A	240 V AC	A9S65140	2
	63 A	240 V AC	A9S65163	
	100 A	240 V AC	A9S65191	
	125 A	240 V AC	A9S65192	
2P				
DB11899 	40 A	415 V AC	A9S65240	4
	63 A	415 V AC	A9S65263	
	100 A	415 V AC	A9S65291	
	125 A	415 V AC	A9S65292	
3P				
DB19000 	40 A	415 V AC	A9S65340	6
	63 A	415 V AC	A9S65363	
	100 A	415 V AC	A9S65391	
	125 A	415 V AC	A9S65392	
4P				
DB19001 	40 A	415 V AC	A9S65440	8
	63 A	415 V AC	A9S65463	
	100 A	415 V AC	A9S65491	
	125 A	415 V AC	A9S65492	
Tần số hoạt động		50/60 Hz		
Phụ kiện		Catalog modules CA907000 và CA907001		



Phụ kiện

Loại			Chiều rộng mô đun 9 mm
iOF	Điện áp (Ue)		
DB18810	240...415 VAC	A9A26924	1
	24...130 V DC		

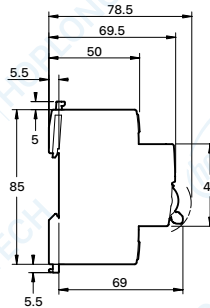
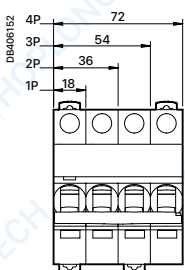
Điều khiển

Thiết bị điều khiển hiện trường

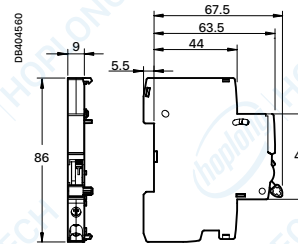
Bộ ngắt cách ly iSW



Kích thước (mm)



iSW



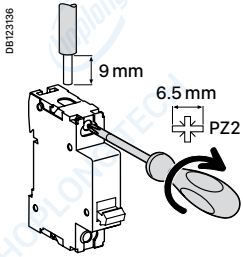
iOF

Điều khiển

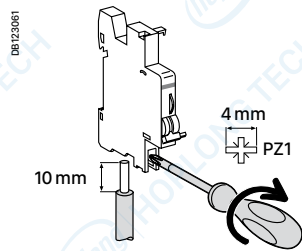
Thiết bị điều khiển hiện trường

Bộ ngắt cách ly iSW

Kết nối



Loại	Cấp	Mô men siết	Cáp đồng	
			Cố định	Linh hoạt hoặc với đai
iSW	40 tới 125 A	3.5 N.m	DB122945 ≤ 50 mm ²	DB122946 ≤ 35 mm ²



Loại	Mô men siết	Cáp đồng		Terminal đa cấp	
		Cố định	Linh hoạt	Cáp cố định	Cáp với đai
iOF	1 N.m	DB122945 1 tới 4 mm ²	DB123007 0.5 tới 2.5 mm ²	DB123011 2 x 2.5 mm ²	DB123008 2 x 1.5 mm ²

Thông số kỹ thuật

Đặc điểm nổi bật

Điện áp cách ly (Ui)	500 VAC
Cấp ô nhiễm	3

Mạch công suất

Điện áp xung chịu đựng (Uimp)	6 kV
Loại điện áp	AC - 22A
Dòng ngắn mạch chịu đựng cho phép (Icw)	1500 A
Dòng ngắn mạch có điều kiện định mức (Inc)	10 kA theo tiêu chuẩn IEC 60947-3
Dòng đóng ngắn mạch định mức (Icm)	5 kA

Đặc điểm khác

Loại điện áp	DC-22A
Điện áp định mức (Ue)	48 VDC 110 VDC với 2 cực trong 1 seri

Đặc điểm khác

Cấp bảo vệ	Chỉ thiết bị	IP20
	Thiết bị trong mô đun được đóng gói	IP40
Độ bền (O-C)	Cơ khí	20,000 chu kỳ
		40 A - 63 A
		80 A - 100 A
		125 A
Độ bền (O-C)	Điện	15,000 chu kỳ
		10,000 chu kỳ
		2 500 chu kỳ
Nhiệt độ vận hành	-25°C tới +60°C	
Nhiệt độ lưu trữ	-40°C tới +85°C	
Phiên bản nhiệt đới	Treatment 2 (Độ ẩm 95% ở 55°C)	

Đặc điểm iOF

Điện áp định mức (Ue)	240...415 VAC	
	24...130 VDC	
Tần số hoạt động	50/60 Hz	
Dòng làm việc	24 VDC	6A
	48 VDC	2A
	60 VDC	1.5A
	130 VDC	1A
	240 VAC	6A
	415 VAC	3A
Số tiếp điểm	1NO/NC	
Nhiệt độ vận hành	-35°C tới +70°C	
Nhiệt độ lưu trữ	-40°C tới +85°C	